

Bản án số: 29/2023/HC-PT

Ngày 13/01/2023

V/v: “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà
nước về giải quyết tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 263/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 5 năm 2022, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2022/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1616/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Kim H; Địa chỉ: Số 274/13 đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà H:

1.1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1965; Địa chỉ: 149 đường N, khóm 5, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau - Giấy ủy quyền ngày 28/10/2020 (có mặt).

1.2. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 11 đường 1, khu phố 4, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - Giấy ủy quyền ngày 23/11/2020 (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Địa chỉ: Số 01 Trần Văn Hy, khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương Bình, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Giấy ủy quyền số 72/GUQ-UBND ngày 19/10/2020 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ: Số 01 Trần Văn Hy, khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương Bình, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Giấy ủy quyền số 52/GUQ-UBND ngày 29/6/2021 (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Trung S (vắng mặt)

3.3. Bà Trần Thị H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Kim H trình bày:

Trước năm 1975, gia đình bà H có quản lý và sử dụng một phần đất tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Đầu năm 1975, gia đình bà H tiến hành chia phần đất này cho con cháu, trong đó có phân chia phần đất cho bà H. Đến năm 1984, do có chủ trương làm tuyến lộ từ thị trấn Đ đến Hòa Trung, lực lượng nhân công có đào phần đất của gia đình bà H để đắp lên con lộ cũ. Phần đất đào có chiều rộng khoảng 03m, chiều ngang hết phần đất của gia đình bà H. Đến năm 1987-1989, khi Trường cấp 2 được chuyển từ ngã ba cây Dương về đây, thì chính quyền địa phương có vận động gia đình bà H cho thầy cô giáo mượn đất ở để yên tâm công tác. Người trực tiếp mượn lúc đó là ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn Đ và ông Nguyễn Chiến Đấu - Chi hội trưởng Chi hội phụ huynh. Khi đó, ông Nguyễn Trung S được Đảng ủy, UBND thị trấn Đ giải quyết cho cất nhà ở trong phần đất bà H cho UBND thị trấn Đ mượn là 49m².

Ngày 28/3/2003, ông S chặt dừa lấn chiếm đất của bà H. Đến ngày 11/4/2003, UBND thị trấn Đ tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa gia đình bà H và ông S. Tại biên bản hòa giải này và theo bản đề nghị số 12/ĐN-UBND của UBND thị trấn vào năm 2004, thì phần đất ông S lấn chiếm thêm là 62,9m² và phần đất mượn trước đây là 49m². Theo biên bản hòa giải thì buộc ông S phải bồi thường cây dừa đã chặt và tháo dỡ phần nhà cất lấn thêm. Tuy nhiên, ông S đã phớt lờ và không chấp hành theo biên bản hòa giải trên.

Năm 2019, bà H tiếp tục gửi đơn đến UBND huyện Đ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất với ông S. Phần đất tranh chấp tại thửa số 78, tờ bản đồ số 09 (bản đồ 2001) có diện tích 150,9m², tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ với lý do nguồn gốc đất ông bà để lại và sử dụng từ đầu năm 1975 cho đến nay, buộc ông S phải tháo dỡ trả lại phần diện tích do địa phương mượn để cho ông S cất nhà tạm là 49m² và phần đất lấn chiếm thêm là 62,9m². UBND huyện Đ tiếp nhận thông báo

số 257/TB-UBND ngày 26/12/2019. Tuy nhiên, ngày 06/3/2020, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ra Quyết định số 01/QĐ-UBND bác đơn tranh chấp đất đai của bà H với ông S và quyết định giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho ông S với diện tích 106,77m² (theo biên bản đo đạc ngày 06/02/2020 do tổ xác minh thực hiện) với lý do phần đất trên của bà H đã được ông S kê khai đăng ký năm 2001, tại thửa 78, tờ bản đồ số 09, bản đồ năm 2005 và bản đồ chỉnh lý năm 2012, ông S kê khai đăng ký tại thửa số 56, tờ bản đồ số 27, diện tích 124,2m².

Phần đất của bà H có nguồn gốc rõ ràng đã được gia đình quản lý và sử dụng từ lâu. Ngày 05/9/2003, UBND huyện Đ còn cấp quyền sử dụng đất số X900279 theo Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 05/9/2003 với diện tích 984,55m². Ông S chỉ là người được chính quyền địa phương thay mặt mượn đất của bà H để có đất tạm cư trú theo chính sách của địa phương. Đến nay khi đã ổn định cuộc sống, ông nên trả lại phần đất đó cho bà H. Đến khi bà H gửi đơn khiếu nại yêu cầu ông S trả đất mượn và đất lấn chiếm, thì bị UBND huyện Đ bác bỏ, không công nhận phần diện tích đó là thuộc về bà H.

Trong thời gian bà H khởi kiện quyết định hành chính số 01/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND huyện Đ, thì ngày 17/8/2020, UBND huyện Đ đã ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 814085 cho ông S.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H và ông S, phần đất tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 814085 ngày 17/8/2020.

Tại Văn bản số 3811/UBND-VP ngày 20/10/2020, Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Năm 2019, bà Nguyễn Kim H (do ông Nguyễn Hữu P đại diện theo ủy quyền) gửi đơn đến UBND thị trấn Đ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Trung S và bà Mai Thi Vân. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. UBND thị trấn Đ tiến hành hòa giải 02 lần (ngày 14 và ngày 26/6/2019).

Đến ngày 21/11/2019, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 178/QĐ-UBND về việc thành lập tổ rà soát, thẩm tra, xác minh đơn tranh chấp đất đai của bà H. Sau đó, bà H gửi đơn tranh chấp đất đai đến UBND huyện Đ và được UBND huyện Đ tiếp nhận tại Thông báo số 257/TB-UBND và 259/TB-UBND cùng ngày 26/12/2019.

Quá trình thẩm tra, xác minh và rà soát các hồ sơ liên quan, Tổ xác minh có Báo cáo số 01/BC-TXM ngày 25/02/2020 kết quả rà soát, thẩm tra xác minh đơn tranh chấp đất đai giữa bà H và ông S. Ngày 06/3/2020, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 01//QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H và ông S.

Tổ rà soát, xác minh 178 tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đến các bên liên quan, nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Sau đó, Tổ

178 đã gửi quyết định nêu trên đến ông P (thư bảo đảm qua đường Bưu điện), đồng thời niêm yết quyết định giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND thị trấn Đ đúng quy định.

Tóm lại, về trình tự, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu tranh chấp đất đai giữa bà H (do ông P đại diện theo ủy quyền của bà H) và ông S đã được Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2022/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính. Điều 7 của Luật khiếu nại. Điều 105, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai. Điều 21, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 58 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H về việc yêu cầu hủy 02 Quyết định, gồm:

1.1. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Kim H với ông Nguyễn Trung S, phần đất tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;

1.2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 814085 ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Trung S tại thửa số 56, tờ bản đồ số 27, diện tích 98m² tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/3/2022 bà Nguyễn Kim H kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không đưa UBND thị trấn Đ tham gia tố tụng. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-HC ngày 07/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị theo hướng đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2022/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau với lý do chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án và không đưa UBND thị trấn Đ tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và tranh tụng như sau: Năm 1975 gia đình bà Nguyễn Kim H về tại khóm 4, thị trấn Đ sinh sống; vào thời điểm đó, nhà nước đào đất của dân để đắp con lộ giao thông. Đến năm 1989, Trường cấp 2 chuyển về đây thì ông Dũng Chủ tịch UBND thị trấn Đ, ông Đẩu Chủ tịch hội phụ huynh hỏi mượn đất của bà H để giáo viên ở công tác. Năm 1998, bà H kê khai, đăng ký diện tích 484m², sau này đăng ký lại vào năm 2001 và 2012 có thay đổi số thửa, diện tích đất. Những trường

hợp cho mượn đất để giáo viên ở tương tự như bà H, có ông Nhơn, bà Bông; Hội đồng tư vấn thị trấn Đ đã xem xét, giải quyết giáo viên đã trả lại đất, có hộ thương lượng mua lại đất của ông Nhơn và bà Bông. UBND huyện Đ cho rằng đất này của nhà nước quản lý là không có căn cứ; năm 2001 ông S mới kê khai, đăng ký còn bà H kê khai từ năm 1998, theo Tài liệu 299 ông S kê khai chồng lấn lên thửa đất của bà H. Đề nghị UBND huyện Đ cung cấp tài liệu để xác định thửa đất 01, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.380m² là đất của nhà nước quản lý; từ đó chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H và ông S, hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông S.

Ông Nguyễn Phương Bình đại diện cho Chủ tịch và UBND huyện Đ trình bày: Theo Tài liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cung cấp, căn cứ Tài liệu 299 thì người dân chưa kê khai, đăng ký thửa 01, tờ bản đồ số 4 nên diện tích này là đất của nhà nước quản lý, đã quy hoạch dân cư. Việc tranh chấp đất giữa bà H và ông S đã được Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết bằng Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND là đúng pháp luật; bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của bà H: Tòa án cấp sơ thẩm đưa UBND huyện Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng; tranh chấp xảy ra từ năm 2003, có liên quan đến việc trả lời, hòa giải của UBND thị trấn Đ, tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND thị trấn Đ vào tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ kiện là chưa phù hợp. Đặc biệt những tài liệu thu thập được còn nhiều mâu thuẫn, liên quan đến các giáo viên chưa được xác minh làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 214 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Kim H, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Kim H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đúng quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 814085 ngày 17/8/2020 của UBND huyện Đ; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau được quy định tại khoản 1

Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Đối tượng bị khởi kiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 814085 ngày 17/8/2020 của UBND huyện Đ, cấp cho người sử dụng là ông Nguyễn Trung S. Vì vậy, UBND huyện Đ phải được xác định là người bị kiện trong vụ án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND huyện Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa phù hợp với quy định tại Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3]. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà H và ông S, trước đây UBND thị trấn Đ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà H, vận động ông S trả lại đất cho bà H. Nhưng sau khi có quyết định thu hồi lại giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà H thì UBND thị trấn Đ lại có văn bản cho rằng đất tranh chấp không phải của bà H. Như vậy, UBND thị trấn Đ đưa ra ý kiến tự mâu thuẫn, trái ngược nhau, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ để xác định ý kiến nào là đúng.

[4]. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Dũng, nguyên Chủ tịch UBND thị trấn Đ và ông Nguyễn Chiến Đấu, nguyên Chủ tịch hội phụ huynh xác định có trao đổi, mượn đất của bà H để giáo viên ở ổn định công tác; tuy nhiên ông Hồ Minh Kháng, nguyên Bí thư thị trấn Đ và ông Tạ Minh Tấn, nguyên Trưởng ban Tài chính kiêm Trưởng ban Xây dựng thị trấn Đ thì xác định là cho các giáo viên ở trên đất kênh xáng, do nhà nước quản lý. Lời trình bày của những người làm chứng này là có mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành đối chất giữa những người làm chứng với đương sự và những người làm chứng với nhau theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5]. Theo Tờ đăng ký hộ khẩu gia đình của bà H, thể hiện từ ngày 07/12/1976, gia đình bà H đã ở tại khóm 4, thị trấn Đ. Năm 1998, bà H kê khai, đăng ký, xin cấp 484m², tại thửa 493, tờ bản đồ số 01, được thể hiện tại Sơ đồ vị trí của UBND thị trấn Dầm Dơi lập ngày 25/6/1998. Do đó, cần phải thu thập sơ đồ địa chính năm 1998 trở về trước, để xác định tại thửa 494 và thửa 495 ai là người sử dụng, nhằm để làm rõ diện tích đất tranh chấp có thuộc thửa 493 của bà H hay không. Năm 2001, ông S kê khai đăng ký thửa 78, tờ bản đồ số 9, có phải là một trong những thửa được tách ra từ thửa 493, tờ bản đồ số 01 không. Đồng thời, cần thiết phải làm rõ vị trí đất ông S sử dụng có phải đất kênh xáng hay không, để xác định lời trình bày của ông Hồ Minh Kháng và ông Tạ Minh Tấn có phù hợp hay không.

[6]. Tại Công văn số 309/TTKTCNQT-CNTT< của Trung tâm kỹ thuật-công nghệ-quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau đã xác định thửa số 01, tờ bản đồ số 4, diện tích 13.380m² là đất dân cư QH. Tại phiên tòa, đại diện của Chủ tịch và UBND huyện Đ cho rằng đất tranh chấp là của nhà nước quản lý. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nội dung này để xác định đất tranh chấp có phải của nhà nước đã quản lý, giao cho ông S cất nhà ở từ năm 1989 đến nay hay là đất của gia đình bà H khai thác sử dụng từ năm 1976, đến năm 1989 cho giáo viên mượn cất nhà ở, để ổn định công tác. Đồng thời để làm cơ sở giải quyết vụ án, cũng cần thu thập thêm có việc ông Nhơn, bà

Bông..., cho giáo viên mượn đất cất nhà ở nay đã trả lại đất hoặc nhận chuyển nhượng lại đất không.

[7]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng; cần thiết phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-HC ngày 07/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau; hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2022/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Bà Nguyễn Kim H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Kim H, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-HC ngày 07/3/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2022/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim H không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý